

SO SÁNH CÁC TỘI PHẠM VỀ MẠI DÂM TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ TRUNG QUỐC VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN TÙNG*

Tóm tắt: Tùy theo quan điểm và chính sách hình sự của mỗi nước, pháp luật hình sự của các quốc gia trên thế giới có sự khác nhau trong xác định các hành vi mại dâm là tội phạm. Bài viết so sánh quy định các tội phạm về mại dâm trong Bộ luật Hình sự Trung Quốc với Bộ luật Hình sự Việt Nam để làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt, từ đó rút ra kinh nghiệm lập pháp hình sự và đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam về các tội phạm về mại dâm.

Từ khóa: Mại dâm; Bộ luật Hình sự; tội phạm; Trung Quốc; Việt Nam

Ngày nhận bài: 28/05/2024; Biên tập xong: 10/06/2024; Duyệt đăng: 18/02/2025

COMPARISON OF PROSTITUTION-RELATED CRIMES IN THE CHINESE PENAL CODE AND EXPERIENCES FOR VIETNAM

Abstract: Depending on each country's perspective and criminal policy, the criminal laws of countries around the world differ in defining prostitution as a crime. The article compares the provisions on prostitution-related crimes in the Chinese Penal Code with the Vietnamese Penal Code to clarify the similarities and differences, thereby drawing experience in criminal legislation and proposing solutions to improve the provisions of the Vietnamese Penal Code on prostitution-related crimes.

Keywords: Prostitution; Penal Code; crime; China; Vietnam

Received: May 28th, 2024; **Editing completed:** Jun 10th, 2024; **Accepted for publication:** Feb 18th, 2025

Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia có nhiều điểm tương đồng về chính trị và văn hóa. Hiện nay, cả Việt Nam và Trung Quốc đang thực hiện chính sách chống mại dâm – Nhà nước cấm mại dâm và các hành vi liên quan đến mại dâm. Triển khai thực hiện chính sách này, hệ thống pháp luật hai nước đều quy định chế tài xử phạt các hành vi về mại dâm, trong đó có quy định của Bộ luật Hình sự (BLHS) về các tội phạm về mại dâm.

BLHS Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định các tội phạm về mại dâm tại Mục 4 - Các tội phạm khác xâm phạm trật tự công cộng, Chương XXI - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, bao gồm 03 tội phạm: Tội chứa mại dâm (Điều 327), Tội môi giới mại dâm (Điều 328) và Tội mua dâm người dưới 18 tuổi (Điều 329).

BLHS hiện hành của Trung Quốc được Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc thông qua ngày 14/3/1997, đến nay đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần và lần sửa đổi, bổ sung gần đây nhất là vào ngày 29/12/2023¹. Nếu như trong BLHS Việt Nam, tất cả các chương, mục và điều luật đều được xác định với những tên gọi cụ thể, thì BLHS Trung Quốc chỉ đặt tên các chương và các mục, không đặt tên các điều². Trong BLHS Trung Quốc, các tội phạm về mại dâm được quy định từ Điều 358 đến Điều 362 thuộc Mục

* E-mail: Tunguc711@gmail.com

Thạc sĩ, Khoa Luật, Học viện Cảnh sát nhân dân; Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

¹ BLHS nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, <http://www.chnlawyer.net/law/subs/xingfa.html>, truy cập ngày 23/5/2024.

² Đinh Bích Hà, *BLHS của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Nxb. Tư pháp, 2007.

8 - Tội tổ chức, cưỡng bức, dẫn dắt, chứa chấp và môi giới mại dâm, Chương VI - Tội xâm phạm trật tự quản lý xã hội, bao gồm những hành vi khách quan:

(i) Hành vi tổ chức cho người khác bán dâm, cưỡng bức người khác bán dâm (Điều 358)

(ii) Hành vi dẫn dắt, chứa chấp, môi giới mại dâm (Điều 359)

(iii) Hành vi bán dâm của những người biết rõ mình bị các bệnh lây truyền qua đường tình dục (giang mai, lậu...) (Điều 360).

Bên cạnh đó, Điều 361 và Điều 362 BLHS Trung Quốc đã quy định riêng trách nhiệm hình sự (TNHS) của nhân viên các nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí văn hóa, các đơn vị xe taxi thực hiện các hành vi liên quan đến mại dâm. Cụ thể: (1) Nếu những người này lợi dụng điều kiện của đơn vị mình để tổ chức, cưỡng bức, dẫn dắt, môi giới người khác bán dâm thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 358 và Điều 359, trường hợp là người phụ trách chính của đơn vị sẽ bị xử phạt nặng; (2) Nếu có hành vi báo tin cho các đối tượng phạm tội về mại dâm khi cơ quan Công an kiểm tra xử lý hoạt động mại dâm và có tình tiết nghiêm trọng sẽ bị xử phạt theo quy định tại Điều 310 BLHS³.

1. So sánh quy định các tội phạm về mại dâm trong Bộ luật Hình sự Trung Quốc và Bộ luật Hình sự Việt Nam để rút ra kinh nghiệm lập pháp

1.1. Những điểm tương đồng

Về khách thể, các tội phạm về mại dâm trong quy định của BLHS hai nước đều xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý trật tự xã hội, cụ thể là xâm phạm đến chính sách phòng, chống mại dâm.

³ Điều 310 BLHS Trung Quốc quy định: “1. Người nào biết rõ người phạm tội mà vẫn che giấu, cung cấp chỗ ở, giúp đỡ cất giấu tài sản, giúp đỡ người đó chạy trốn hoặc làm chứng giả bao che, thì bị phạt tù đến 3 năm, cải tạo lao động hoặc quản chế; nếu có tình tiết nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm; 2. Trường hợp phạm tội nêu trên mà có thông đồng trước thì bị coi là đồng phạm”. Đinh Bích Hà, tldđ, tr. 190.

Về mặt khách quan, BLHS hai nước giống nhau khi quy định hành vi chứa mại dâm và môi giới mại dâm là tội phạm về mại dâm (Điều 327 và Điều 328 BLHS Việt Nam, Điều 359 BLHS Trung Quốc), hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm.

Về mặt chủ quan, các tội phạm về mại dâm trong quy định của BLHS hai nước được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, mong muốn thực hiện các hành vi về mại dâm để gây ra thiệt hại cho xã hội. Động cơ và mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm.

Về chủ thể, người từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực TNHS thực hiện hành vi chứa mại dâm và môi giới mại dâm phải chịu TNHS theo quy định của BLHS hai nước.

Về hình phạt, hình phạt chính là tù có thời hạn, hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định trong tất cả các điều luật quy định tội phạm về mại dâm trong BLHS hai nước.

1.2. Những điểm khác biệt

Bên cạnh những điểm giống nhau, do có sự khác nhau về chính sách pháp luật nên các tội phạm về mại dâm trong quy định của BLHS hai nước có những khác biệt. Sự khác biệt này được thể hiện qua việc về hành vi khách quan là tội phạm và hình phạt áp dụng đối với người phạm tội mại dâm. Cụ thể:

1.2.1. Hành vi khách quan

- Hành vi tổ chức bán dâm và hành vi cưỡng bức bán dâm

BLHS Trung Quốc quy định hành vi tổ chức bán dâm và cưỡng bức bán dâm là tội phạm độc lập để truy cứu TNHS tại Điều 358, theo đó: “Người nào tổ chức cho người khác bán dâm hoặc cưỡng bức người khác bán dâm thì bị phạt...”⁴. Trong khi đó, những hành vi này không được BLHS Việt Nam quy định là tội phạm độc lập để truy cứu TNHS.

⁴ Đinh Bích Hà, tldđ, tr. 217.

+ Hành vi tổ chức bán dâm

Tổ chức bán dâm trong BLHS Trung Quốc được hiểu là hành vi bố trí, sắp xếp để người khác thực hiện việc bán dâm. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, tổ chức bán dâm là một trong những hành vi bị nghiêm cấm và hành vi này được quy định tại khoản 5 Điều 3 Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/3/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm (Pháp lệnh PCMD) với tên gọi “tổ chức hoạt động mại dâm”, theo đó: “*Tổ chức hoạt động mại dâm là hành vi bố trí, sắp xếp để thực hiện việc mua dâm, bán dâm*”.

BLHS Việt Nam không quy định tổ chức hoạt động mại dâm là tội phạm độc lập mà tùy từng trường hợp cụ thể, người tổ chức hoạt động mại dâm sẽ bị truy cứu TNHS về tội chứa mại dâm hoặc môi giới mại dâm với vai trò đồng phạm, hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính⁵. Tác giả cho rằng: BLHS Việt Nam chưa quy định hành vi tổ chức hoạt động mại dâm là tội phạm độc lập để truy cứu TNHS như BLHS Trung Quốc là thiếu sót, bởi lẽ:

(1) Theo Pháp lệnh PCMD, chứa mại dâm, môi giới mại dâm và tổ chức hoạt động mại dâm là những hành vi khác nhau⁶. Hành vi tổ chức hoạt động mại dâm rõ ràng có tính nguy hiểm cho xã hội lớn hơn hành vi chứa mại dâm và môi giới mại dâm, nếu chỉ quy định chứa mại dâm và môi giới mại dâm là tội phạm độc lập mà không quy định để truy cứu TNHS đối với tội tổ chức hoạt động mại dâm sẽ không phù hợp, không tương xứng với tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

(2) Nếu truy cứu TNHS người tổ chức hoạt động mại dâm về tội chứa mại dâm hoặc tội môi giới mại dâm với vai trò đồng phạm sẽ không phân hóa rõ hành vi và không cá thể

hóa TNHS, một số trường hợp không truy cứu TNHS người tổ chức hoạt động mại dâm vì họ không chứa mại dâm hoặc môi giới mại dâm do hành vi không thỏa mãn cấu thành tội phạm cơ bản.

(3) “Có tổ chức” là tình tiết định khung tăng nặng TNHS trong cấu thành tăng nặng của tội chứa mại dâm (điểm a khoản 2 Điều 327) và tội môi giới mại dâm (điểm b khoản 2 Điều 328), nếu truy cứu TNHS người tổ chức hoạt động mại dâm về tội chứa mại dâm hoặc môi giới mại dâm theo tình tiết này sẽ không chính xác, bởi vì đây là tình tiết trong cấu thành tăng nặng của tội chứa mại dâm và tội môi giới mại dâm (khoản 2), do vậy phải được hiểu là chứa mại dâm có tổ chức hoặc môi giới mại dâm có tổ chức, không phải là tổ chức hoạt động mại dâm.

Vì những lý do trên, trong thời gian tới cần nghiên cứu quy định của BLHS Trung Quốc về hành vi tổ chức hoạt động mại dâm để quy định tội tổ chức hoạt động mại dâm là tội phạm độc lập trong BLHS Việt Nam.

+ Hành vi cưỡng bức bán dâm

Cưỡng bức bán dâm trong BLHS Trung Quốc là hành vi của người đã dùng mọi thủ đoạn để buộc người khác phải thực hiện hành vi bán dâm. Theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Pháp lệnh PCMD: “*Cưỡng bức bán dâm là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn buộc người khác phải thực hiện việc bán dâm*”. Mặc dù BLHS Việt Nam không quy định cưỡng bức bán dâm là tội phạm độc lập, tuy nhiên hành vi này được quy định là tình tiết định khung tăng nặng của tội chứa mại dâm với tên gọi “cưỡng bức mại dâm” (điểm b khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 327 BLHS).

Tác giả cho rằng: BLHS Việt Nam không quy định cưỡng bức bán dâm là tội phạm độc lập để truy cứu TNHS như trong BLHS Trung Quốc là không hợp lý, bởi vì:

(1) Chỉ truy cứu TNHS theo cấu thành tội phạm tăng nặng nếu trước đó hành vi đã thỏa mãn cấu thành tội phạm cơ bản. Do

⁵ Điều 26 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

⁶ Khoản 4, 5, 7 Điều 3 Pháp lệnh PCMD năm 2003.

Điều 327 BLHS không quy định cưỡng bức bán dâm là hành vi trong cấu thành cơ bản (khoản 1) mà chỉ quy định là tình tiết định khung tăng nặng trong cấu thành tăng nặng (khoản 2 và khoản 4) nên chỉ có thể truy cứu TNHS người cưỡng bức mại dâm nếu trước đó họ chứa mại dâm. Tuy nhiên, chứa mại dâm là “hành vi sử dụng, thuê, cho thuê hoặc mượn, cho mượn địa điểm, phương tiện để thực hiện việc mua dâm, bán dâm”⁷, và không phải trường hợp cưỡng bức mại dâm nào cũng chứa mại dâm. Do vậy, không thể truy cứu TNHS người cưỡng bức mại dâm nếu trước đó họ không có hành vi chứa mại dâm vì hành vi của họ không thỏa mãn cấu thành tội phạm cơ bản;

(2) Hành vi cưỡng bức mại dâm thể hiện rõ tính ép buộc của người cưỡng bức và tính trái tự do ý chí của người bị cưỡng bức, trong khi chứa mại dâm chỉ là hành vi tạo điều kiện thuận lợi hành vi mua dâm và bán dâm được thực hiện. Khi quy định cưỡng bức mại dâm là tình tiết định khung tăng nặng của tội chứa mại dâm sẽ không thể hiện rõ bản chất của hành vi và không phản ánh tính nguy hiểm lớn hơn cho xã hội của hành vi cưỡng bức mại dâm.

Do vậy, cũng như hành vi tổ chức hoạt động mại dâm, BLHS Việt Nam cần quy định cưỡng bức bán dâm là tội phạm độc lập để truy cứu TNHS như trong BLHS Trung Quốc.

- Hành vi bán dâm của những người biết rõ mình bị mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục và hành vi mua dâm người dưới 18 tuổi

BLHS Trung Quốc quy định hành vi bán dâm của những người biết rõ mình bị mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục là tội phạm về mại dâm. Trong khi đó, BLHS Việt Nam không coi hành vi bán dâm của những người biết rõ mình bị mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục là tội phạm, người thực hiện hành vi bán dâm trong trường hợp này sẽ bị xử phạt vi phạm hành

chính⁸. Tuy nhiên, trường hợp người bán dâm biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn bán dâm để lây truyền HIV cho người khác sẽ bị truy cứu TNHS về tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 148 BLHS).

BLHS Việt Nam quy định hành vi của người từ đủ 18 tuổi trở lên mua dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi sẽ bị truy cứu TNHS về tội mua dâm người dưới 18 tuổi (Điều 329), trường hợp mua dâm người dưới 13 tuổi sẽ bị truy cứu TNHS về tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142). Trong khi đó, BLHS Trung Quốc không quy định hành vi mua dâm người dưới 18 tuổi, chỉ quy định hành vi giao cấu với người dưới 14 tuổi (bao gồm trường hợp mua dâm để được giao cấu) là tội phạm, người thực hiện hành vi bị truy cứu TNHS về tội hiếp dâm (Điều 236) và bị trừng phạt theo hướng tăng nặng, không quy định hành vi mua dâm người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi là tội phạm.

Về sự khác biệt này, tác giả cho rằng: do khác nhau về chính sách và thực tiễn tình hình tội phạm về mại dâm nên BLHS hai nước không giống nhau trong việc xác định hành vi lây truyền các bệnh qua đường tình dục của người bán dâm và hành vi mua dâm người dưới 18 tuổi là tội phạm. Theo tác giả, BLHS Việt Nam không cần thiết phải tội phạm hóa hành vi bán dâm của người biết rõ mình bị mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục như BLHS Trung Quốc, và cũng không nên phi tội phạm hóa đối với hành vi mua dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi, bởi vì: (1) Không phải bệnh lây truyền qua đường tình dục nào cũng nguy hiểm lớn cho xã hội và cần thiết phải xử lý bằng chế tài hình sự⁹ mà xử lý bằng chế tài khác đủ sức ngăn chặn

⁸ Điều 25 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

⁹ Đối với bệnh AIDS, trường hợp lây truyền hoặc cố ý truyền HIV qua việc bán dâm sẽ bị truy cứu TNHS về tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 148) và tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 149).

⁷ Khoản 4 Điều 3 Pháp lệnh PCMD năm 2003.

và răn đe; (2) Quy định TNHS đối với người mua dâm người dưới 18 tuổi nhằm bảo đảm sự phát triển cho người dưới 18 tuổi, đồng thời bảo vệ người dưới 18 tuổi tránh khỏi sự đe dọa, dụ dỗ bán dâm của các đối tượng phạm tội mại dâm.

1.2.2. Hình phạt

Hình phạt quy định trong BLHS Trung Quốc bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung, trong đó: (1) Hình phạt chính gồm: quản chế, cải tạo lao động, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình; (2) Hình phạt bổ sung gồm: phạt tiền, tước các quyền lợi về chính trị, tịch thu tài sản. Các hình phạt bổ sung có thể được áp dụng độc lập với hình phạt chính¹⁰.

Về hình phạt chính, ngoài hình phạt tù có thời hạn được quy định trong tất cả các điều luật, BLHS Trung Quốc quy định hình phạt chính khác đối với các tội phạm về mại dâm, bao gồm: Cải tạo lao động và quản chế (Điều 359, Điều 360), tù chung thân (Điều 358). Trong khi đó, BLHS Việt Nam chỉ quy định hình phạt chính là tù có thời hạn (Điều 327, Điều 328, Điều 329) và tù chung thân (khoản 4 Điều 328).

Về hình phạt bổ sung, BLHS Trung Quốc quy định hình phạt bổ sung có thể được áp dụng độc lập và bắt buộc phải áp dụng đối với người phạm tội về mại dâm, bao gồm: Phạt tiền (bắt buộc áp dụng đối với trường hợp phạm tội quy định tại Điều 359 và Điều 360, lựa chọn áp dụng đối với trường hợp phạm tội quy định tại Điều 358 và Điều 361), tịch thu tài sản (lựa chọn áp dụng đối với trường hợp phạm tội quy định tại Điều 358 và Điều 361). Trong khi đó, hình phạt bổ sung theo quy định của BLHS Việt Nam không được áp dụng độc lập và không bắt buộc áp dụng đối với các tội phạm về mại dâm, bao gồm các hình phạt: Phạt tiền (quy định trong tất cả điều luật), quản chế và tịch thu tài sản (áp dụng đối với trường hợp phạm tội chứa mại dâm quy định tại khoản 5 Điều 327).

¹⁰ Đinh Bích Hà, *tlđd*, tr. 50.

Nghiên cứu các hình phạt áp dụng đối với người phạm tội mại dâm quy định trong BLHS Trung Quốc, tác giả cho rằng: Việt Nam có thể nghiên cứu hình phạt “cải tạo lao động” là hình phạt chính của tội môi giới người khác bán dâm (Điều 359 BLHS Trung Quốc) để quy định “cải tạo không giam giữ” là hình phạt chính của tội môi giới mại dâm quy định tại khoản 1 Điều 328 BLHS, với lý do: (1) Cụ thể hóa nhiệm vụ “Giám hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm” theo chiến lược cải cách tư pháp¹¹; (2) Khoản 1 Điều 328 BLHS là loại tội phạm ít nghiêm trọng, khi bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ trong cấu thành tội phạm không làm thay đổi loại tội phạm mà còn mở rộng loại hình phạt được Tòa án lựa chọn quyết định áp dụng đối với người phạm tội. Ngoài ra, cần nghiên cứu để bổ sung hình phạt cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định là hình phạt bổ sung của tội chứa mại dâm, bởi thực tế các đối tượng phạm tội thường lợi dụng nghề nghiệp đang làm để thực hiện hành vi phạm tội và tình trạng tái phạm sau khi bị phát hiện, xử lý¹².

2. Kiến nghị, đề xuất

Trên cơ sở phân tích làm rõ những điểm khác biệt trong quy định của BLHS hai nước để rút ra kinh nghiệm lập pháp cho Việt Nam, tác giả đề xuất:

Thứ nhất, bổ sung “Tội tổ chức hoạt động mại dâm” và quy định TNHS đối với tội phạm này trong BLHS. Trên cơ sở nghiên cứu những điều luật trong BLHS quy định hành vi tổ chức là tội phạm. Tác giả đề xuất:

Điều... Tội tổ chức hoạt động mại dâm

1. Người nào tổ chức hoạt động mại dâm thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

¹¹ Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

¹² Nguyễn Xuân Yêm (chủ biên), *Tội phạm học Việt Nam (tập 2), Tội phạm học chuyên ngành*, Nxb. Công an nhân dân, 2013, tr. 1133-1134.

- a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Đối với 02 người trở lên;
- d) Sử dụng người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi để bán dâm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

- a) Sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi để bán dâm;
- b) Tái phạm nguy hiểm.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Thứ hai, bỏ tình tiết “cưỡng bức mại dâm” và “cưỡng bức mại dâm dẫn đến người đó chết hoặc tự sát” là tình tiết định khung tăng nặng TNHS quy định tại điểm b khoản 2 và điểm c khoản 4 Điều 327 BLHS, bổ sung “Tội cưỡng bức bán dâm” là tội phạm độc lập và quy định TNHS đối với tội phạm này. Sở dĩ tác giả đề xuất quy định tội cưỡng bức bán dâm mà không quy định tội cưỡng bức mại dâm, bởi vì: (1) Bảo đảm tương thích với quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong Pháp lệnh PCMD; (2) Phù hợp với các tội phạm về cưỡng bức khác đã được BLHS quy định (Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy - Điều 257, Tội cưỡng bức lao động - Điều 297); và (3) Thực tiễn các đối tượng phạm tội mại dâm chỉ có thể cưỡng bức đối với người bán dâm, đối với người mua dâm sẽ môi giới – làm trung gian dẫn dắt, dụ dỗ để mua dâm. Tác giả đề xuất:

Điều... Tội cưỡng bức bán dâm

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của người khác phải thực hiện việc bán dâm, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

- a) Tái phạm nguy hiểm.
- b) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;
- c) Dẫn đến người bị cưỡng bức bán dâm chết hoặc tự sát.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Thứ ba, nghiên cứu bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ tại khoản 1 Điều 327 BLHS, bổ sung hình phạt bổ sung cấm kinh doanh, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định tại khoản 5 Điều 327 BLHS. Tác giả đề xuất sửa đổi khoản 5 Điều 327 BLHS như sau:

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BLHS Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
2. BLHS của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, <http://www.chnlawyer.net/law/subs/xingfa.html>, truy cập ngày 23/5/2024;
3. Đinh Bích Hà, *BLHS của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa* (bản dịch Tiếng Việt), Nxb. Tư pháp, 2007;
4. Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình;
5. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020;
6. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/3/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm;
7. Nguyễn Xuân Yêm (chủ biên), *Tội phạm học Việt Nam* (tập 2), *Tội phạm học chuyên ngành*, Nxb. Công an nhân dân, 2013.